

Số: 35/2026/NQ-HĐND

Thái Nguyên, ngày 25 tháng 6 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sử dụng tạm thời lòng đường, hè phố trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13;

Căn cứ Luật Trật tự, An toàn giao thông đường bộ số 36/2024/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 44/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2024 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

Căn cứ Nghị định số 151/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ;

Căn cứ Nghị định số 165/2024/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ và Điều 77 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ;

Căn cứ Nghị định số 362/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 99/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông;

Xét Tờ trình số 198/TTr-UBND ngày 18 tháng 6 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc đề nghị ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sử dụng tạm thời lòng đường, hè phố trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; Báo cáo số 226/BC-UBND ngày 25 tháng 6 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên giải trình, làm rõ một số nội dung thẩm tra của các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của các Tổ đại biểu tại Kỳ họp thứ tư (Kỳ họp chuyên đề) Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa XV; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên ban hành Nghị quyết quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sử dụng tạm thời lòng đường, hè phố trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sử dụng tạm thời lòng đường, hè phố (vía hè) trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

2. Đối tượng áp dụng

a) Tổ chức, cá nhân được cơ quan có thẩm quyền cho phép sử dụng tạm thời lòng đường, hè phố vào các mục đích khác theo quy định;

b) Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sử dụng tạm thời lòng đường, hè phố;

c) Cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 2. Mức thu phí

1. Sử dụng tạm thời một phần lòng đường, hè phố vào các mục đích

a) Mức thu phí sử dụng tạm thời lòng đường, hè phố vào mục đích khác phù hợp với quy hoạch, không gây mất trật tự an toàn giao thông.

Mức thu theo tháng = diện tích đất được sử dụng (m²) × 0,3% mức giá đất thương mại, dịch vụ quy định tại Bảng giá đất hiện hành do Hội đồng nhân dân tỉnh quy định.

b) Trường hợp sử dụng không liên tục trong cả ngày gồm: Tập kết vật liệu, trung chuyển vật liệu, phế thải xây dựng để phục vụ thi công công trình của hộ gia đình thì mức thu bằng 50% mức thu phí sử dụng tạm thời lòng đường, hè phố quy định tại điểm a khoản 1 Điều này;

c) Trường hợp sử dụng lòng đường, hè phố để trông giữ xe đạp, xe máy mức thu bằng 40% mức thu phí sử dụng tạm thời lòng đường, hè phố quy định tại điểm a khoản 1 Điều này.

2. Phí sử dụng một phần lòng đường, hè phố vào mục đích trông giữ xe ô tô không thường xuyên (tối đa không quá 03 giờ/lượt) không được gây mất trật tự, an toàn giao thông

TT	Loại xe	Đơn vị tính	Mức thu
1	Xe taxi, xe ô tô dưới 16 chỗ ngồi	đồng/lượt	30.000
2	Xe ô tô từ 16 chỗ ngồi trở lên	đồng/lượt	50.000

3. Đối với việc sử dụng một phần lòng đường, hè phố để trông giữ xe ô tô, mức phí được thu theo lượt, mỗi lượt tối đa không quá 03 giờ; trường hợp, thời gian sử dụng vượt quá 03 giờ thì thu phí đối với lượt tiếp theo theo quy định. Việc sử dụng lòng đường, hè phố để trông giữ xe ô tô chỉ là giải pháp tạm thời nhằm góp phần đáp ứng nhu cầu giao thông tĩnh trong thời gian chưa hoàn thiện hệ thống bãi đỗ xe và mạng lưới giao thông tĩnh trên địa bàn tỉnh; không khuyến khích việc sử dụng lòng đường để trông giữ xe ô tô trong thời gian dài liên tục hoặc qua đêm.

a) Trường hợp các tổ chức, cá nhân sử dụng một phần lòng đường, hè phố để trông giữ xe máy, xe đạp với thời gian không liên tục của ngày (chỉ sử dụng 01 buổi: Ban ngày hoặc ban đêm) thì mức thu phí bằng 50% mức thu phí theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều này;

b) Xác định thời gian thu phí đối với trường hợp sử dụng tạm thời một phần lòng đường, hè phố trong thời gian ngắn dưới 01 tháng: Thời gian sử dụng dưới 15 ngày tính bằng $\frac{1}{2}$ tháng; thời gian sử dụng từ 15 ngày trở lên tính bằng 01 tháng.

Điều 3. Thu, nộp, quản lý và sử dụng phí

1. Tổ chức thu phí

a) Ủy ban nhân dân cấp xã;

b) Trung tâm dịch vụ tổng hợp hoặc đơn vị sự nghiệp trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã;

c) Đối với các tuyến đường do Sở Xây dựng quản lý và cấp phép sử dụng tạm thời lòng đường, hè phố, Sở Xây dựng có trách nhiệm chuyên thông tin cho tổ chức thu phí để thực hiện việc thu phí theo quy định.

2. Trường hợp miễn phí

a) Phục vụ các hoạt động: Sự kiện chính trị và hoạt động văn hóa, thể thao; phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai; cứu nạn, cứu hộ; phòng, chống cháy nổ; tìm kiếm cứu nạn; phòng, chống dịch bệnh;

b) Tổ chức sự kiện tang lễ;

c) Tổ chức đám cưới;

d) Tổ chức hội chợ, triển lãm, lễ hội.

3. Tỷ lệ để lại cho tổ chức thu phí

a) Tổ chức thu phí là cơ quan nhà nước thực hiện được nộp toàn bộ số phí thu được vào ngân sách nhà nước;

b) Tổ chức thu phí là đơn vị sự nghiệp công lập được để lại 50% số phí thu được để trang trải chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ thu phí theo quy định; 50% còn lại nộp ngân sách nhà nước.

4. Khai, thu, nộp phí, lệ phí và quyết toán phí

4.1. Người nộp phí thực hiện khai, nộp phí theo một trong các quy định sau đây

a) Nộp trực tiếp tại Kho bạc Nhà nước;

b) Nộp cho tổ chức thu phí bằng tiền mặt hoặc theo hình thức không dùng tiền mặt vào tài khoản chuyên thu phí của tổ chức thu phí mở tại tổ chức tín dụng hoặc tài khoản phí chờ nộp ngân sách nhà nước của tổ chức thu phí mở tại Kho bạc Nhà nước;

c) Nộp cho cơ quan, tổ chức khác với tổ chức thu phí áp dụng đối với trường hợp thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công trực tuyến theo quy định của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

4.2. Cơ quan, tổ chức nhận tiền phí khác với tổ chức thu phí theo quy định tại điểm c khoản 4.1 Điều này có trách nhiệm chuyển toàn bộ số tiền phí thu được vào tài khoản thu ngân sách nhà nước mở tại Kho bạc Nhà nước hoặc nộp vào tài khoản chuyên thu phí của tổ chức thu phí mở tại tổ chức tín dụng hoặc nộp vào tài khoản phí chờ nộp ngân sách nhà nước của tổ chức thu phí mở tại Kho bạc Nhà nước trong thời hạn 24 giờ kể từ thời điểm nhận được tiền phí.

4.3. Tổ chức thu phí thực hiện khai, nộp phí và quyết toán phí thu được như sau

a) Tổ chức thu phí là cơ quan nhà nước thực hiện khai, nộp phí vào ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về quản lý thuế;

b) Tổ chức thu phí là đơn vị sự nghiệp công lập và tổ chức thu phí không phải là cơ quan nhà nước thực hiện nộp toàn bộ số tiền phí thu được của tháng trước, bao gồm cả khoản tiền lãi phát sinh vào tài khoản phí chờ nộp ngân sách nhà nước chậm nhất ngày 05 hằng tháng;

Tổ chức thu phí thực hiện khai số tiền phí thu được của tháng trước theo quy định pháp luật về quản lý thuế và nộp số tiền phí còn phải nộp từ tài khoản phí chờ nộp ngân sách nhà nước vào ngân sách nhà nước chậm nhất ngày 20 hằng tháng.

c) Hằng năm, tổ chức thu phí thực hiện quyết toán số tiền phí thu được theo quy định pháp luật về quản lý thuế.

4.4. Tổ chức thu phí thực hiện lập và cấp chứng từ thu phí cho người nộp phí theo quy định tại Nghị định số 347/2025/NĐ-CP ngày 29 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định về thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Kho bạc Nhà nước.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết theo đúng quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 5. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 25 tháng 6 năm 2026.

2. Các Nghị quyết sau hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành:

a) Nghị quyết số 49/2016/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên ban hành quy định về phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

b) Nghị quyết số 02/2025/NQ-HĐND ngày 03 tháng 4 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn ban hành quy định mức thu, miễn, giảm; thu, nộp, quản lý và sử dụng các loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn;

c) Nghị quyết số 11/2025/NQ-HĐND ngày 23 tháng 6 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định mức thu, miễn, giảm; thu, nộp, quản lý và sử dụng các loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn ban hành kèm theo Nghị quyết số 02/2025/NQ-HĐND ngày 03 tháng 4 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên Khóa XV, Kỳ họp thứ tư (Kỳ họp chuyên đề) thông qua ngày 25 tháng 6 năm 2026./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội (Báo cáo);
- Chính phủ (Báo cáo);
- Bộ Tài chính (Báo cáo);
- Bộ Xây dựng (Báo cáo);
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật - Bộ Tư pháp (Kiểm tra);
- Thường trực Tỉnh ủy (Báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh Khóa XV;
- Các cơ quan ngành dọc Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành của tỉnh;
- TT HĐND, UBND các xã, phường;
- Báo và phát thanh, truyền hình Thái Nguyên; Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, CTHĐND.

CHỦ TỊCH

Bùi Văn Lương